

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y – DƯỢC; Chuyên ngành: CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ QUANG TRÍ**

2. Ngày tháng năm sinh: 18-01-1968; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **XÃ PHƯỚC LỘC, HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI;**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): **SỐ 8, ĐƯỜNG SỐ 9, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN, XÃ BÌNH HƯNG, HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH;**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): **SỐ 8, ĐƯỜNG SỐ 9, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN, XÃ BÌNH HƯNG, HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH;**

Điện thoại nhà riêng: **028.54297979**; Điện thoại di động: **0913126229**;

E-mail: **tsbstri@yahoo.com; lqtri@ntt.edu.vn**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- 7.1. Từ tháng 9 năm 1986 đến tháng 9 năm 1992: học viên hệ đại học, Học viện Quân y/Bộ Quốc phòng;
- 7.2. Từ tháng 9 năm 1992 đến tháng 6 năm 1995: Trung úy, Bác sĩ điều trị, Bệnh viện Quân y 7B, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- 7.3. Từ tháng 7 năm 1995 đến tháng 6 năm 1998: Thượng úy, Bác sĩ điều trị, Bệnh viện Quân y 7B, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- 7.4. Từ tháng 7 năm 1998 đến tháng 8 năm 2002: Đại úy, Bác sĩ điều trị, Bệnh viện Quân y 7B, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- 7.5. Từ tháng 9 năm 2002 đến tháng 03 năm 2004: Thiếu tá, Bác sĩ điều trị, Bệnh viện Quân y 7B, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- 7.6. Từ tháng 4 năm 2004 đến tháng 10 năm 2006: Thiếu tá, Trưởng Ban ngoại, Tiểu đoàn 31, Sư đoàn Bộ binh 5, Quân khu 7;
- 7.7. Từ tháng 11 tháng 2006 đến tháng 5 năm 2007: Thiếu tá, Bác sĩ điều trị, Bệnh viện Quân y 7B, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- 7.8. Từ tháng 6 năm 2007 đến tháng 7 năm 2007: Thiếu tá, Chủ nhiệm Khoa Khám và Ngoại khoa, Bệnh viện Quân dân y Miền Đông, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- 7.9. Từ tháng 8 năm 2007 đến tháng 7 năm 2011: Trung tá, Chủ nhiệm Khoa Khám và Ngoại khoa, Bệnh viện Quân dân y Miền Đông, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- 7.10. Từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 8 năm 2013: Thượng tá, Phó Giám đốc kiêm Chủ nhiệm Khoa Khám và Ngoại khoa, Bệnh viện Quân dân y Miền Đông, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- 7.11. Từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 7 năm 2014: Thượng tá, Giám đốc Bệnh viện Quân y 7A, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- 7.12. Từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 7 năm 2018: Đại tá, Giám đốc Bệnh viện Quân y 7A, Cục Hậu cần, Quân khu 7.
- 7.13. Từ tháng 8 năm 2018 đến nay: Đại tá NLL1, Giám đốc Bệnh viện Quân y 7A, Cục Hậu cần, Quân khu 7.
- 7.14. Thành viên Liên chi Hội phẫu thuật bàn tay Thành Phố Hồ Chí Minh (Quyết định số: 23/2016/HYH-QĐ-TC ngày 16 tháng 3 năm 2016).
- 7.15. Thành viên Hội Chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 45/2018/HYH-QĐ-TC ngày 03 tháng 7 năm 2018).
- 7.16. Phó chủ tịch Hội phẫu thuật bàn tay Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 107/2019/HYH-QĐ-TC ngày 17 tháng 9 năm 2019)

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

7.17. Thành viên Hội đồng biên tập của tạp chí International Archives of Medicine (ISSN 1755-7682) từ tháng 2/2020.

7.18. Thành viên Hội đồng biên tập của tạp chí Annals of Clinical and Analytical Medicine (E-ISSN: 2667-663X) từ tháng 2/2020.

Chức vụ: Hiện nay: **Giám đốc Bệnh viện Quân y 7A, Cục Hậu cần, Quân khu 7;**

Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Bệnh viện Quân y 7A;

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Quân y 7A, Cục Hậu cần, Quân khu 7;

Địa chỉ cơ quan: 466 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;

Điện thoại cơ quan: (028) 39241868,

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết và hướng dẫn đề tài tốt nghiệp bậc đại học trường **Đại Học Nguyễn Tất Thành**, trường **Đại học Tân Tạo**, trường **Đại học Đà Nẵng**; giảng dạy sau đại học, chuyên khoa II tại Phân hiệu 2 **Học viện Quân y**, trường **Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch**.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 08 năm 1992, ngành: Y, chuyên ngành: **BÁC SĨ ĐA KHOA**

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): **HỌC VIỆN QUÂN Y, THỦ ĐÔ HÀ NỘI, VIỆT NAM**;

- Được cấp bằng BSCKI ngày 18 tháng 02 năm 2002, ngành: Y, chuyên ngành: **CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH**;

Nơi cấp bằng BSCKI (trường, nước): **ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM**;

- Được cấp bằng ThS/BSCKII ngày 22 tháng 12 năm 2008, ngành: Y, chuyên ngành: **CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH**

Nơi cấp bằng ThS/BSCKII (trường, nước): **ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM**;

- Được cấp bằng TS ngày 18 tháng 05 năm 2015, ngành: Y, chuyên ngành: **CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH VÀ TẠO HÌNH**;

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **ĐẠI HỌC Y ĐƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM;**

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **PHÓ GIÁO SƯ** tại HĐGS cơ sở: **ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH;**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **PHÓ GIÁO SƯ** tại HĐGS ngành, liên ngành: Ngành Y;

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Chấn thương chỉnh hình tạo hình và các nghiên cứu cơ bản về điều trị bệnh lý xương khớp;
- Quản lý y tế;

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 cấp cơ sở Trường Đại học Nguyễn Tất Thành và 01 đề tài nhánh cấp quốc gia do trường đại học Nguyễn Tất Thành thực hiện.
- Đã công bố (số lượng) 73 bài báo KH, trong đó 38 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 02 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng Ba (Số 2511/QĐ-CTN ngày 28/12/2018 của Chủ tịch nước tặng vì đã có thành tích xuất sắc trong huấn luyện, phục vụ chiến đấu, xây dựng quân đội nhân dân, củng cố quốc phòng, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Quyết định số 2511/QĐ-CTN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch nước tặng Huân chương bảo vệ tổ quốc Hạng Ba;
- Quyết định số 1955/QĐ-BQP ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quân;
- Quyết định số 579/QĐ ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Tư lệnh Quân khu 7 tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào NCKH, sáng kiến cải tiến kỹ thuật quân y giai đoạn (2006 – 2008);
- Quyết định số 1193/QĐ ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Cục Hậu cần Quân Khu 7 tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2008;
- Quyết định số 1415/QĐ-CHC ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Cục Hậu cần Quân Khu 7 tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2009;
- Quyết định số 1543/CHC ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Cục Hậu cần Quân Khu 7 tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2010;
- Quyết định số 2155/QĐ-BTL ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tư lệnh Quân Khu 7 tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2011;
- Quyết định số 2145/QĐ-BTL ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tư lệnh Quân Khu 7 tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2012;
- Quyết định số 2319/QĐ-BTL ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tư lệnh Quân Khu 7 tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua năm 2013;
- Quyết định số 2791/QĐ-BTL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư lệnh Quân Khu 7 tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua năm 2014;
- Quyết định số 3155/QĐ-BTL ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tư lệnh Quân Khu 7 tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua năm 2015;
- Quyết định số 2763/QĐ-BTL ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tư lệnh Quân Khu 7 tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua năm 2016;
- Quyết định số 3160/QĐ-BTL ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tư lệnh Quân Khu 7 tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua năm 2017;
- Quyết định số 1361/QĐ-BQP ngày 29 tháng 04 năm 2010 của Bộ Trưởng Bộ Quốc phòng tặng bằng khen về việc đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2008 và 2009 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội cung cố Quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc;
- Quyết định số 1030/QĐ-BTL ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong 3 năm thực hiện Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ 2014 – 2017.
- Quyết định số 2403/QĐ-BTL ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tặng bằng khen đã đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Quyết thắng giai đoạn 2009 – 2014;
- Quyết định số 178/QĐ-BCĐ ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Trưởng ban chỉ đạo phòng chống bệnh nghề nghiệp – Bộ Quốc phòng tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác chăm sóc sức khỏe người lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp năm 2014;
- Quyết định số 4882/QĐ-BCĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Trưởng ban chỉ đạo PTTĐ “Ngành hậu cần quân đội làm theo lời bác Hồ dạy” BQP tặng bằng khen đã có thành tích

*Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
xuất sắc trong thực hiện Phong trào thi đua “Xây dựng đơn vị quân y 5 tốt” giai đoạn 2007 – 2016;*

- Quyết định số 1516/QĐ/TTg ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Bằng khen đã có thành tích trong huấn luyện, phục vụ chiến đấu từ năm 2008 đến năm 2012, góp phần vào sự nghiệp xây dựng lực lượng quân đội, cung cống quốc phòng và bảo vệ Tổ Quốc;
- Quyết định số 5823/QĐ-BQP ngày 08 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Điều trị dự phòng giai đoạn 2014 – 2019 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội, cung cống quốc phòng và bảo vệ Tổ Quốc;
- Quyết định số 1955/QĐ-BTL ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong đợt thi đua cao điểm “Uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa” kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/2017);
- Quyết định số 1594/QĐ-BYT ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế tặng bằng khen đã có nhiều thành tích trong công tác Kết hợp quân dân y góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân và bộ đội giai đoạn 2005 – 2015;
- Quyết định số 2803/QĐ-BTL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tặng bằng khen đã đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy” năm 2014;
- Quyết định số 2598/QĐ-BTL ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tặng bằng khen đã đạt thành tích xuất sắc trong đợt thi đua cao điểm “70 ngày đêm hành động kiểu mẫu” chào mừng 70 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 (2/9/1945 – 2/9/2015);
- Quyết định số 737/BTL ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Tư Lệnh Quân khu 7 tặng bằng khen Sáng kiến khung cõi định ngoài điều trị gãy liên mấu chuyền xương đùi;
- Quyết định số 1179/ QĐ-BTL ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tặng bằng khen Đạt giải nhì sáng kiến Bàn phẫu thuật tư thế ngồi thư giãn trong Hội thi sáng tạo kỹ thuật Quân khu lần thứ II năm 2011;

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không bị bất kỳ hình thức kỷ luật nào.**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Phẩm chất đạo đức: Tôi luôn tự rèn luyện và phấn đấu vươn lên không ngừng trong mọi mặt về đạo đức, tác phong của người sỹ quan quan đội, bác sỹ và giảng viên. Luôn có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, thẳng thắn, trung thực. Có lối sống giản dị, gần gũi và tinh thần hợp tác tốt, giúp đỡ đồng chí, đồng đội, đồng nghiệp, đồng môn và sinh viên. Không vi phạm bất cứ điều gì về tư cách đạo đức một sỹ quan quân đội thầy thuốc và nhà giáo.

Về chuyên môn nghiệp vụ: Bản thân luôn chủ động, tích cực và nghiêm túc trong học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Luôn gương mẫu và hoàn thành tốt các

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN nhiệm vụ được giao. Tích cực và chủ động trong tham gia xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, chẩn đoán, điều trị chấn thương chỉnh hình cho trường Đạo học Y Phạm Ngọc Thạch; trường Đạo học Tân Tạo; trường Đạo học Đà Nẵng, phân hiệu II của Học viện Quân Y; tham gia đảm bảo chất lượng, đổi mới chương trình đào tạo ngành Công nghệ Sinh học của trường ĐH Nguyễn Tất Thành. Đặc biệt tham gia xây dựng chuẩn năng lực bác sĩ Chấn thương Chỉnh hình Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và hội nhập với khu vực trong đào tạo y khoa phục vụ quan y và dân sự. Ngoài ra với cương vị Giám đốc Bệnh viện Quân Y 7A, tôi luôn cùng đồng nghiệp không ngừng học hỏi để nâng cao năng lực quản lý để đưa Bệnh viện Quân Y 7A sớm tiệm cận với các tiêu chuẩn của quốc tế về quản lý, điều trị xứng tầm là bệnh viện tuyến cuối của Quân khu 7.

Trong công tác giảng dạy: Luôn xây dựng kế hoạch giảng dạy khoa học, đảm bảo theo đúng tiến độ của các trường đang cộng tác. Luôn nghiêm túc thực hiện lịch giảng; xây dựng bài giảng logic, khoa học và thực tiễn; áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, lôi cuốn sinh viên; luôn dành thời gian để giải đáp thắc mắc cho sinh viên, lắng nghe phản hồi của sinh viên để xây dựng bài giảng tốt hơn. Luôn đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan và tích cực đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong thi và kiểm tra, thực hiện tốt đạo đức nghề nghiệp.

Trong vai trò là thành viên của hội đồng khoa học Bệnh viện Quân Y 7A, các hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ, luận văn chuyên khoa II, thạc sĩ tôi luôn thực hiện một cách nghiêm túc và trách nhiệm.

Trong nhiệm vụ là giảng viên hướng dẫn học viên cao học, chuyên khoa II cũng như với sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, tôi luôn nhiệt tình hướng dẫn với tinh thần trách nhiệm cao.

Trong công tác nghiên cứu khoa học: Luôn chủ động, tích cực thực hiện và cổ vũ, hướng dẫn, giúp đỡ các đồng nghiệp, sinh viên tham gia nghiên cứu và báo cáo khoa học tại các hội nghị trong và ngoài nước. Bản thân luôn tích cực tham gia nghiên cứu và báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo chuyên ngành trong nước, quốc tế. Do vậy tôi đã được mời là thành viên Hội đồng biên tập của 2 tạp chí trong danh mục ESCI là tạp chí *International Archives of Medicine* (ISSN 1755-7682) từ tháng 2/2020 và tạp chí *Annals of Clinical and Analytical Medicine* (E-ISSN: 2667-663X) từ tháng 3/2020 cũng như phản biện cho nhiều tạp chí quốc tế khác.

Ngoài ra, tôi có lý lịch rõ ràng, đủ sức khỏe để làm việc.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 06 năm.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD/ Chấm thi	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015				8 (CT)		14 (PNT)	14/36/135
2	2015-2016		x (25 giờ- HVQY)	1		90 (NTT)		90/115/135
3	2016-2017	x (70 giờ - YKPNT)		1	8 (CT)	105 (NTT) +27(TH-HVQY)	12(LT-HVQY) +27(TH-HVQY)	144/222/135
3 năm học cuối								
4	2017-2018	x (50 giờ- HVQY)	x (25 giờ - ĐH BK)	2		210 (NTT)	20 (TH-HVQY) + 14 (PNT)	258/333/135
5	2018-2019	x (70 giờ- YKPNT)		1	8 (CT)	90 (NTT)	14 (PNT) + 30 (LT-TT) + 40 (TH-TT)	188/266/135
6	2019 -2020				8 (CT)	90 (NTT)	12 (LT-HVQY) +30 (TH-HVQY) +12 (LT-ĐN) +4 (TH-ĐN) +14(PNT)	176/184/135

*Ghi chú:

LT: Lý thuyết – TH: Thực hành

NTT: Giảng dạy tại Đại học Nguyễn Tất Thành

HVQY: Giảng dạy tại Học viện Quân Y

YKPNT: Giảng dạy tại Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

DH BK: Giảng dạy tại Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia, TP. HCM.

TT: Giảng dạy tại Đại học Tân Tạo

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDDT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDDT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDDT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDDT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **CỦ NHÂN NGÔN NGỮ ANH**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Phenikaa, số bằng: 18/VB2-016; năm cấp: 2018

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Cử nhân ngôn ngữ Anh;

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BS NT	Chính	Phụ			
1	Đoàn Thị Nhủ		CK2		x	2015-2017	HVQY	Bằng tốt nghiệp Số: 3647/QĐ-HVQY ngày 23/10/2017
2	Phùng Khắc Vũ		CK2	x		2015-2017	ĐH YK PNT	Bằng tốt nghiệp Số: 1430/QĐ-TĐHYKPNT, ngày 19/4/2018.
3	Vưu Bửu Long		CK2	x		2016-2018	HVQY	Bằng tốt nghiệp Số: 3768/QĐ-HVQY ngày 17/10/2018
4	Nguyễn Văn Toản		ThS		x	2013-2018	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	Bằng tốt nghiệp 2018/ số hiệu: QH092018000 15
5	Nguyễn Anh Tuấn		CK2	x		2017-2019	ĐH YK PNT	Quyết định công nhận tốt

							nghiệp chuyên khoa II Số 954/QĐ- TĐHYKPNT
6	Vũ Thị Thanh Tâm	ThS	x	2018 - 2020	ĐH Y DƯỢC TP.HCM	Quyết định giao đề tài và người hướng dẫn Số: 5188/QĐ- ĐHYD ngày 25/11/2019	
7	Phan Hữu Hùng	CK2	x	2018 - 2020	ĐH YK PNT	Quyết định hướng dẫn học viên Chuyên khoa II Số: 980/QĐ- TĐHYKPNT ngày 23/03/2020	
8	Đỗ Ngọc Thành	CK2	x	2018 - 2020	ĐH YK PNT	Quyết định hướng dẫn học viên Chuyên khoa II Số: 979/QĐ- TĐHYKPNT ngày 23/03/2020	

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước giai đoạn bảo vệ luận án tiến sĩ							
Sau giai đoạn bảo vệ luận án tiến sĩ							
1	Lịch sử Bệnh viện Quân y 7A	TK	Nhà xuất bản chính trị quốc gia	1	CB		9(V): 338 CTQG - 2016

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản
và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

.....

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đổi với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đổi với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước bảo vệ luận án Tiến sĩ					
1	ĐT: Nghiên cứu Quy trình nuôi cây tế bào trên nền màng polymer sinh học PHB thuộc đề tài độc lập cấp Nhà nước “Nghiên cứu tạo màng Polymer sinh học từ chủng vi khuẩn <i>E.coli</i> tái tổ hợp và bước đầu thử nghiệm làm giá đỡ nuôi cây mô trong y dược”	Thành viên chính	Cấp Quốc gia Đề tài độc lập 2012.G/35	36 tháng (12/2012 - 12/2015)	09/2015/Đạt
Sau giai đoạn bảo vệ luận án Tiến sĩ					
2	ĐT: Nghiên cứu chế tạo khung cố định ngoài đùi trên xương đùi bằng vật liệu Composite cacbon.	Chủ nhiệm	Số:300/2018/HĐ-NCKHCN Cấp Bộ Quốc phòng	24 tháng (02/2018-01/2020)	06/12/2019/Đạt
3	Một số đặc điểm giải phẫu học đầu trên xương đùi ở người Việt Nam	Chủ nhiệm	Đề tài cấp cơ sở ĐH Nguyễn Tất Thành	9 tháng (01/2017 – 09/2017)	09/2017/Đạt
4	Tính toán độ bền mô phỏng khung cố định ngoài vùng máu chuyển xương đùi	Chủ nhiệm	Đề tài cấp cơ sở ĐH Nguyễn Tất Thành	12 tháng (07/2017 – 06/2018)	06/2018/Đạt

5	Đánh giá kết quả điều trị gãy liên mấu chuyển xương đùi trên bệnh nhân lớn tuổi	Chủ nhiệm	Đề tài cấp cơ sở ĐH Nguyễn Tất Thành	9 tháng (10/2018 – 06/2019)	06/2019/Đạt
---	---	-----------	---	--------------------------------	-------------

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đổi với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đổi với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Sô tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước bảo vệ luận án Tiến sĩ								
1	Nghiên cứu ứng dụng bất động ngoài tự chế trong điều trị gãy liên mấu chuyển người cao tuổi	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:0686-3174			Tập 292, Số đặc biệt tháng 10, 319-324	2003
2	Điều trị gãy liên mấu chuyển xương đùi người cao tuổi bằng khung cố định ngoài dưới màn tăng sáng.	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859-1779			Tập 12, Số 4, 1-9	2008
3	Điều trị gãy liên mấu chuyển xương đùi người già bằng khung cố định ngoài Composit	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 37, Số 2, 326-331	2010
4	Một số đặc điểm giải phẫu học	1	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108			Tập 7, Số 5,	2012

	đầu trên xương đùi ở người Việt Nam.	(tác giả đứng đầu + liên hệ)		ISSN: 1859-2872			48-55	
Sau bảo vệ luận án Tiến Sĩ								
5	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật thay khớp háng của gây mê thần kinh đùi liên tục.	4 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 11, Số đặc biệt tháng 5 20 - 27	2016
6	Đánh giá bước đầu kết quả thay khớp gối toàn phần tại các bệnh viện Quân khu 7.	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 11, Số đặc biệt tháng 5, 28-32	2016
7	Báo cáo kết quả 5 trường hợp phẫu thuật u tủy sống đoạn ngực – lưng tại Bệnh viện Quân y 7A	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam ISSN: 1859 - 4794			Tập 62, Số 5 tháng 5, 22 - 25	2020
8	Nhận xét kết quả ứng dụng vạt da hình đảo cuống liền dựa trên nhánh động mạch da trực tiếp vùng mu bàn tay để che phủ tổn thương khuyết da ngón tay	6 (tác giả đứng thứ năm)		Tạp chí Y Dược thực hành 175 ISSN: 2354-1024			Số 9, 89-94	2017
9	Đánh giá hiệu quả gây mê thần kinh đùi – hông to dưới hướng dẫn của máy kích thích thần kinh trong phẫu thuật vùng cẳng chân.	3 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 13, Số đặc biệt tháng 5, 47-54	2018

10	Hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật thay khớp háng và khớp gối khi gây tê ngoài màng cứng liên tục bằng hỗn hợp levobupivacaine-fentanyl	6 (tác giả đứng thứ hai)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 13, Số đặc biệt tháng 5, 55 - 60	2018
11	Đánh giá vai trò phục hồi chức năng sau kết hợp xương gãy liên m�u chuyền xương đùi người trên 60 tuổi bằng khung cố định ngoài.	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 13, Số đặc biệt tháng 5, 99 - 105	2018
12	Đánh giá kết quả điều trị gãy xương đốt bàn tay và đốt ngón tay bằng kết xương nẹp vít tại Bệnh viện Quân y 7A.	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 13, Số đặc biệt tháng 5, 124 - 129	2018
13	Đánh giá kết quả điều trị mắt vững đốt sống thắt lưng bằng phẫu thuật Gill kết hợp hàn liên thân đốt tại Bệnh viện Quân y 7A.	2 (tác giả đứng đầu)		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663		Số 5/2019, 1 - 5	2019
14	Ứng dụng laser bán dẫn công suất thấp trong điều trị đau khớp gối.	2 (tác giả đứng đầu)		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663		Số 5/2019, 53 - 57	2019
15	Đánh giá đặc điểm độc lực và tính kháng sinh của	5 (tác giả đứng thứ tư)		Hội nghị Công nghệ sinh học toàn quốc năm 2019		237- 241	2019

	một số chủng <i>Staphylococcus aureus</i> được phân lập từ da người bị mụn và có biểu hiện viêm da			NXB Đại học Quốc gia TP.HCM			
16	Điều trị gãy hở đầu dưới xương đùi thấu khớp trong cấp cứu bằng nẹp khóa nén ép.	4 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược thực hành 175 ISSN: 2354-1024		Số đặc biệt-12/2019, 05-13	2019
17	Đánh giá hiệu quả của Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng trong điều trị người bệnh viêm quanh khớp vai thê đơn thuần tại Bệnh viện Quân y 7A.	3 (tác giả đứng thứ hai)		Tạp chí Y Dược thực hành 175 ISSN: 2354-1024		Số đặc biệt-12/2019, 23-31	2019
18	Đánh giá kết quả điều trị gãy liên mâu chuyển xương đùi bằng đinh gamma 3 tại Bệnh viện Chấn thương Chính hình.	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược thực hành 175 ISSN: 2354-1024		Số đặc biệt-12/2019, 85-92	2019
19	Đánh giá kết quả điều trị khuyết hông phần mềm bàn tay bằng vạt bẹn có cuống mạch liền.	2 (tác giả đứng thứ hai)		Tạp chí Y Dược thực hành 175 ISSN: 2354-1024		Số 9-tháng 3/2017, 20-25	2017
20	Đánh giá kết quả điều trị 65 bệnh nhân gãy xương hàm dưới, tại bệnh viện quân y 7A.	2 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y học Quân sự ISSN: 1859 - 1655		Số 340, 31-33	2019
21	Khảo sát quy trình tạo xương	05		Kỷ yếu Hội nghị khoa học ứng		64-69	2019

	xôp vô bào bằng tác nhân acetone	(tác giả thứ 4)		dụng công nghệ sinh- y sinh trong điều trị y khoa lâm sàng				
22	Đánh giá kết quả hàn thân đốt sóng theo kỹ thuật đơn giản trên 5 bệnh nhân mắt vững cột sóng vùng chẩm cổ	2 (tác giả đứng cuối + liên hệ)	x	Tạp chí Y học Quân sự ISSN: 1859 - 1655			Số 342-2/2020, 38-41	2020
23	Giá trị của cộng hưởng từ 3.0 Tesla trong chẩn đoán rách sụn viền khớp vai	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt- 5/2020, 1-6	2020
24	Nghiên cứu tình hình tăng huyết áp nguyên phát và đánh giá kết quả điều trị ở cán bộ cao cấp tại các đơn vị thuộc Quân khu 7	2 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt- 5/2020, 36-44	2020
25	Đặc điểm tồn thương thần kinh giữa bằng chẩn đoán điện thần kinh cơ ở bệnh nhân có hội chứng ống cổ tay tại Bệnh viện Quân y 7A	2 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt- 5/2020 , 45-51	2020
26	Đánh giá hiệu quả của sodium hyaluronate tiêm nội khớp trong điều trị thoái hoá khớp gối	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt- 5/2020, 51-56	2020
27	Đánh giá hiệu quả điều trị đau thắt lưng do thoát vị đĩa đệm	3 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt-	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	bằng một số phương pháp vật lý trị liệu tại Bệnh viện Quân y 7A					5/2020, 57-62	
28	Nghiên cứu đặc điểm kiểm soát huyết áp ở bệnh nhân tăng huyết áp nguyên phát điều trị ngoại trú tại Khoa Cán bộ - Bệnh viện Quân y 7A	2 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 15, Số đặc biệt- 5/2020, 62-70	2020
29	Đánh giá tình trạng kháng kháng sinh của vi khuẩn gây bệnh tại Khoa Hồi sức tích cực - Bệnh viện Quân y 7A	2 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 15, Số đặc biệt- 5/2020, 77-83	2020
30	Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật gây đau dưới xương quay bằng nẹp khóa đa hướng	2 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 15, Số đặc biệt- 5/2020, 84-91	2020
31	Đánh giá kết quả điều trị trượt đốt sống thắt lưng bằng phẫu thuật hàn xương liên thân đốt qua lỗ liên hợp tại Bệnh viện Quân y 7A	2 (tác giả đứng cuối + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 15, Số đặc biệt- 5/2020, 98-103	2020
32	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi mũi xoang trên quân nhân tại ngũ bị viêm mũi xoang mạn tính tại Bệnh viện Quân y 7A	4 (tác giả đứng thứ 2)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 15, Số đặc biệt- 5/2020, 104-111	2020

33	Đánh giá kết quả điều trị hội chứng ngón tay bật bằng kỹ thuật phẫu thuật qua da tại Bệnh viện Quân y 7A	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 15, số tháng 2/2020, 107 - 111	2020
34	Đánh giá hiệu quả gây mê túy sống bằng bupivacaine 0,5% kết hợp morphin trong phẫu thuật chi dưới	3 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 15, Số đặc biệt- 5/2020, 141-149	2020
35	Thực trạng chăm sóc người bệnh theo mô hình nhóm tại Bệnh viện Quân y 7A năm 2018	3 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 15, Số đặc biệt- 5/2020, 170-175	2020
36	Minimally Invasive Mitral Valve Surgery for Rheumatic Valve Disease	8 (tác giả đứng thứ 7+ liên hệ)	x	The Heart Surgery Forum ISSN 15226662, 10983511	SCOPUS (Q3, H-index 36) và SCIE (IF = 0.56)	Vol22, No5, E390- E395	2019
37	A suitable protocol to prepare decellularized porcine vessel for cardiovascular surgery	7 (tác giả đứng thứ 5)		7th International Conference on the Development of Biomedical Engineering in Vietnam (BME7)	SCOPUS 2.05	Vol5, 169-174	2017
38	The Engineering of Porous Silica and Hollow Silica Nanoparticles to Enhance Drug-loading Capacity	11 (tác giả đứng thứ 10)		Processes ISSN 2227-9717	SCOPUS (Q2, H-Index 16) và JCR (IF = 1,963)	Vol 7, No 11, 805 - 816	2019 Xuất bản online
39	Inpatient satisfaction survey with the	2 (tác giả đứng)	x	International Journal of Community		Vol 7, issue 2, 1-4	2020

	communication and behavior of medical staffs in 7A military Hospital, Ho Chi Minh City, Vietnam	cuối + liên hệ)		Medicine and Public Health ISSN: 2394-6032				
40	The assessment of combined Upper Limb Surgical results at 7A Military hospital in the Period of 2015 - 2017	2 (tác giả đứng cuối + liên hệ)	x	IOSR Journal of Dental and Medical Sciences p - ISSN: 2279 – 0861 e – ISSN: 2279 - 0853			Vol 19, issue 1, Ser. 3 34-39	2020
41	A review of Nursing Process Writing for Patient Care in Clinical Departments in 7A Military hospital (Ho Chi Minh City, Vietnam)	3 (tác giả đứng cuối + liên hệ)	x	ACTA Scientific Medical Sciences ISSN:2582 - 0931			Vol 4, issue 2, 1-5	2020
42	Factors Correlated to foot care behavior on type 2 diabetes patients in 7A Military hospital (Ho Chi Minh City, Vietnam)	2 (tác giả đứng cuối + liên hệ)	x	ISOR Journal of Nursing and Health Science e-ISSN: 2320– 1959 p-ISSN: 2320 - 1940			Vol 9, issue 1, 38-40	2020
43	Treatment of distal tibia end fractures by minimally invasive plate osteosynthesis	4 (tác giả đứng đầu+ liên hệ)	x	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667- 663X	ESCI		1-4	2020
44	Outcomes of lumbar disc herniation treatment using	2 (tác giả đứng	x	Journal Orthopaedics and Sports Medicine ISSN: 2688-5115			Vol 2, issue 1, 38-40	2020

	medication method coupled with epidural hydrocortisone injection	cuối + liên hệ)						
45	Evalution of epidural anesthesia using fentanyl and Bupivacain for lower limb post operative pain management	2 (tác giả đứng cuối + liên hệ)	x	Journal of Dental and Medical Sciences e - ISSN: 2279 – 0853 p – ISSN: 2279 – 0861			Vol 19, issue 1, Ser. 3 29- 33	2020
46	Premilinary results of surgical results of total hip joint replacement at the 7A Military hospital	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Saudi Journal of Medicine e - ISSN: 2518 - 3397 p – ISSN: 2518 - 3389			Vol 5, issue 1, 1-5	2020
47	A description of bone density of osteoporosis patients with femoral neck fracture	2 (tác giả đứng đầu+ liên hệ)	x	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667- 663X	ESCI		1-5	2020
48	Bipolar hemiathroplasty for femoral neck fracture in elderly: post-operative results and complications	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ+ liên hệ)	x	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667- 663X	ESCI		Vol 1, issue 4, 325-329	2020
49	Assessment of anterior cruciate ligament (ACL) arthroscopic reconstruction using gracilis and semitendinosus tendon autograft	2 (tác giả đứng đầu+ liên hệ)	x	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667- 663X	ESCI		1-5	2020

50	Long stem total arthroplasty and bipolar hemiarthroplasty using wagner prosthesis with hardinge approach	3 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667-663X	ESCI		1-5	2020
51	Early results of long stem bipolar cementless hemiarthroplasty for the treatment of unstable intertrochanteric fractures in elderly patients	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI		Vol 24, issue 103, 981-988	2020
52	Evalution of initial treatment of trochanteric fratures using gamma nails	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	International archives of medicine ISSN: 1755-7682	SCOPUS (Q4/H-index 22)		Vol 13, No 3, 1-6	2020
53	Evalution of treatment of herniated lumbar disc sciatica by epidural corticosteroid injection	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	International Archives of Medicine ISSN: 1755-7682	SCOPUS (Q4/H-index 22)		Vol 13, No 4, 1-7	2020
54	Treatment of intertrochanteric fractures in elderly patients using dynamic hip screw	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI		Vol 24, issue 102, 912-921	2020
55	Outcomes and complications of total hip arthroplasty and bipolar hemiarthroplasty with long and	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI		Vol 24, issue 102, 935-944	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	short stem prosthesis						
56	Factors related to satisfaction of the in-patients at 7A military hospital 2019	6 (tác giả đứng thứ 3 +liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI	Vol 24, issue 104, 1857- 1863	2020
57	Knowledge of the medical nurses and assistants on solid medical waste management in departments and units of 7A military hospital 2019	6 (tác giả đứng cuối +liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI	Vol 24, issue 104	2020
58	Total knee arthroplasty for severe osteoarthritis treatment outcomes: An evalution study	4 (tác giả đứng đầu +liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI	Vol 24, issue 103, 1080- 1085	2020
59	An assessment of the nurses ' Knowledge and practices of inpatient fall prevention	3 (tác giả đứng cuối +liên hệ)	x	International Archives of Medicine ISSN: 1755-7682	SCOPUS (Q4/H-index 22)	Vol 13, No 6, 1-6	2020
60	Biological Activities and Chemical Constituents of Essential Oils from <i>Piper cubeba Bojer</i> and <i>Piper nigrum L.</i>	5 (tác giả đứng cuối+ liên hệ)	x	Molecules ISSN: 1420-3049	SCOPUS (Q2/H-index 116, IF = 3,060)	Vol 24, No 10, 1876- 1892	2019
61	Radiography results and	4	x	Medical Science	ESCI	Vol 24, No 103,	2020

	evaluation of closed proximal humerus fractures treatment in elderly patients	(tác giả đứng cuối+ liên hệ)		ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367			1433 - 1438	
62	Knee arthroscopy postoperative assessment: A recent overview in Military 7A Hospital, Ho Chi Minh city, Viet Nam	4 (tác giả đứng cuối+ liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI		Vol 24, No 103, 1469- 1479	2020
63	Rotator cuff injuries: magnetic resonance imaging observation and comparison with arthroscopy	4 (tác giả đứng cuối+ liên hệ)	x	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667- 663X	ESCI		1-3	2020
64	Side effects of glucorticoids in treatment of patients with musculoskeletal conditions	4 (tác giả đứng đầu+ liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI		Vol 24, No 103, 1566- 1571	2020
65	General knowledge of intensive resuscitation nurses on hospital – acquired infection in 7A military hospital	4 (tác giả đứng cuối+ liên hệ)	x	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667- 663X	ESCI		1-3	2020
66	Occupational stress of the medical nurses in 7A military hospital	4 (tác giả đứng cuối+ liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI		Vol 24, No 103, 1628- 1633	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

67	Antibiotics resistance and effects on atopic dermatitis of skin bacteria in 7A military hospital	8 (tác giả thứ 7+ liên hệ)	x	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667-663X	ESCI		1-5	2020
68	The situation and causes of musculoskeletal disorder among nurses in 7A military hospital	5 (tác giả đứng đầu+ liên hệ)	x	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667-663X	ESCI		1-4	2020
69	Distribution and antibiotics resistance of emerging or reemerging pathogenic bacteria in 7A military hospital	7 (tác giả thứ 6+ liên hệ)	x	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667-663X	ESCI		1-6	2020
70	Postoperative pain of patients treated with lower limb bone fusion at 7A military hospital	4 (tác giả thứ 3+ liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI		Vol 24, No 103, 1738 - 1743	2020
71	The clinical characteristics and other factors affecting the septic arthritis of the ankle	8 (tác giả đứng cuối + liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI		Vol 24, No 103, 1718 - 1724	2020
72	Adherence to surgical site infection prevention practices in 7A Military Hospital in 2019	2 (tác giả đứng cuối + liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI		Vol 24, No 104, 2320- 2328	2020
73	Hospital acquired infection and related factors in	2 (tác giả đứng)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359	ESCI		Vol 24, No 104, 2335- 2341	2020

	7A Military Hospital in 2019	cuối + liên hệ)		EISSN: 2321 – 7367				
--	------------------------------	-----------------	--	--------------------	--	--	--	--

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đổi với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đổi với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Chứng nhận sáng kiến Bàn phẫu thuật tư thế thư giãn	Quân khu 7	26/10/2011	Tác giả chính	01
2	Bằng khen Sáng kiến Bàn phẫu thuật tư thế ngồi thư giãn	Quân khu 7	26/10/2011	Tác giả chính	01
3	Chứng nhận sáng kiến Sang mô đa năng dã chiến	Bộ Quốc phòng	2018	Tác giả chính	02

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia Tổ xây dựng, hiệu chỉnh chương trình đào tạo Khóa 2020 của Khoa Công nghệ sinh học tại Đại học Nguyễn Tất Thành.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Thiếu giờ giảng năm 2014-2015 và 2015-2016

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
2014-2015/54;

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
2014-2015/99;
2015-2016/20

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
.....

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. BS Lê Quang Trí